

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY PHONG
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 03/10/2018
V/v ly hôn và tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHONG, TỈNH BÌNH THUẬN

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Trí

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Hưng Quang
2. Bà Thái Thị Dung

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: ông Thanh Lê Anh Tuấn – Thư ký
Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong tham gia phiên tòa: Bà
Phạm Thị Bích Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 112/2018/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2018 về việc: “Ly hôn và tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà **Lê Thị A**, sinh năm 1977

Địa chỉ: Xóm 1B, thôn L1, xã L, huyện W, tỉnh Bình Thuận. Có mặt

Bị đơn: ông **Nguyễn Văn B**, sinh năm 1971

Địa chỉ: Xóm 1B, thôn L1, xã L, huyện W, tỉnh Bình Thuận. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn bà Lê Thị A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Văn B tự nguyện xác lập quan hệ vợ chồng và có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện W, tỉnh Bình Thuận theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 01 ngày 14/01/2000. Sau khi cưới nhau, vợ chồng chung sống hạnh phúc trong khoảng 2-3 năm đầu, sau đó ông B thường xuyên uống rượu, ghen tuông và đánh đập bà A nhiều lần vì thấy con còn nhỏ nên bà A vẫn cố cam chịu, bỏ qua nhưng càng về sau ông B lại càng đánh đập bà A

hiều lần hơn. Bà A đã từng 02 lần nộp đơn ly hôn vào năm 2015 và năm 2017 nhưng sau đó đều rút lại đơn vì ông B năn nỉ và hứa sẽ bỏ các tật xấu, không rượu chè, ghen tuông, đánh đập bà A nữa nhưng ông B vẫn tính nài tật nấy, vẫn cứ đánh đập bà A. Nay bà A không thể chịu đựng được thêm nữa, bà A yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông B.

Về con chung: bà A và ông B có 02 con chung là Nguyễn Quốc D sinh ngày 23/11/2000 (giới tính: Nam) và Nguyễn Thị Kiều Q sinh ngày 09/01/2006 (giới tính: Nữ). Bà A yêu cầu được nhận nuôi cả 02 con và không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: ông bà tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Văn B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: ông B và bà A tự nguyện xác lập quan hệ vợ chồng và có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện W, tỉnh Bình Thuận theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 01 ngày 14/01/2000. Bản thân ông đôi lúc sau khi nhậu say có đánh bà A vài lần, nhưng tôi thấy mâu thuẫn đó thật sự không lớn. Ông B không đồng ý ly hôn với bà A vì ông vẫn còn thương bà A.

Về con chung: có 02 con chung là Nguyễn Quốc D sinh ngày 23/11/2000 (giới tính: Nam) và Nguyễn Thị Kiều Q sinh ngày 09/01/2006 (giới tính: Nữ). Nếu Tòa án quyết định cho bà A và ông B ly hôn thì ông B đồng ý giao cả 02 con cho bà A nuôi dưỡng nhưng ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: ông bà tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện W phát biểu ý kiến về việc kiểm sát tuân theo pháp luật: các bước của quá trình chuẩn bị xét xử, việc thu thập chứng cứ và trình tự thủ tục tại phiên tòa của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự;

Đề nghị Hội đồng xét xử:

- *Áp dụng:* khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 BLTTDS; khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

- *Tuyên xử:* chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị A.

+ Về hôn nhân: bà Lê Thị A được ly hôn với ông Nguyễn Văn B

+ Về con chung: giao 02 con Nguyễn Quốc D sinh ngày 23/11/2000 và Nguyễn Thị Kiều Q sinh ngày 09/01/2006 cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi.

+ Về án phí: Bà A phải chịu án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, người tham gia tố tụng và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Vào ngày 07/3/2018, bà Lê Thị A có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn và được quyền nuôi con chung đối với ông Nguyễn Văn B, xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự và bà A đã thực hiện nghĩa vụ nộp tạm ứng án phí nên Tòa án nhân dân huyện W thụ lý giải quyết theo thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay các đương sự không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, trình tự thủ tục tố tụng cũng như các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, trình tự thủ tục tố tụng cũng như các quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định pháp luật.

[2] Về hôn nhân: bà A và ông B tự nguyện xác lập quan hệ vợ chồng và đã đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND xã L, huyện W, tỉnh Bình Thuận vào năm 2000, đây là quan hệ hôn nhân đúng theo quy định của pháp luật nên được công nhận. Trong quá trình chung sống ông B thường xuyên say xỉn và đánh đập bà A; qua làm việc cháu D, cháu Q đã xác nhận nhiều lần chứng kiến thấy ba (ông B) đánh mẹ (bà A) và bản thân ông B cũng xác nhận vấn đề trên. Vì không thể chịu đựng được cuộc sống bị đánh đập như vậy, bà A đã từng hai lần nộp đơn ly hôn nhưng vì tình nghĩa vợ chồng, vì con cái và vì ông B hứa sẽ thay đổi nên bà đã rút lại đơn, quay về chung sống với ông. Cuộc sống hạnh phúc không được bao lâu thì ông B lại quen tính cũ, say xỉn, đánh đập bà A. Xét thấy, vợ chồng phải có nghĩa vụ yêu thương, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau nhưng ông B lại đánh đập, gây thương tích cho vợ mình (bà A), hành vi của ông là hành vi bạo lực gia đình, vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho cuộc hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nay bà A xin ly hôn là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: bà A và ông B đã thống nhất sẽ giao hai con Nguyễn Quốc D và Nguyễn Thị Kiều Q cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu thành niên, bà A không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con. Cháu D, cháu Q cũng có nguyện vọng được sống cùng với mẹ (bà A). Đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự, không trái pháp luật, đạo đức xã hội nên được công nhận.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà A, ông B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết quan hệ này.

[5] Về án phí: Bà A phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Áp dụng: Khoản 01 Điều 28, điểm a khoản 01 Điều 35, điểm a khoản 01 Điều 39, Điều 146 và khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 56, Điều 58, khoản 1, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị A đối với ông Nguyễn Văn B, bà A được ly hôn với ông B.

[2] Về con chung: giao 02 con Nguyễn Quốc D sinh ngày 23/11/2000 và Nguyễn Thị Kiều Q sinh ngày 09/01/2006 cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu thành niên, có khả năng tự lao động, có tài sản riêng để tự nuôi bản thân. Bà A không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con. Bà A không được ngăn cản ông B trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Vì quyền lợi về mọi mặt của cháu D và cháu Q, bà A có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con; ông B có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về án phí: Bà Lê Thị A phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc giải quyết ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0019051 ngày 15/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Phong, bà A đã nộp đủ án phí.

[4] Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, bị đơn báo cho nguyên đơn, bị đơn biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Tuy Phong;
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- Chi cục THADS huyện Tuy Phong;
- UBND xã L;
- Lưu: Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Trần Quốc Trí

